

TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT

Số: 531 /CHKQTTSN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng giá điều chỉnh đối với giá dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

GIÁM ĐỐC

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-CHK, ngày 23/3/2022 về việc Ban hành Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không chi tiết nhóm “Khai thác cảng hàng không, sân bay”;

Căn cứ Quyết định số 3450/QĐ-TCTCHKVN, ngày 12/9/2014 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc Ban hành mức giá tối thiểu dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2291/CHKQTTSN, ngày 28/9/2021 của Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc Ban hành Bảng giá dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 14 /TTr-CHKQTTSN ngày 28 /02/2023 của Phòng kinh doanh về việc Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung bảng giá dịch vụ đào tạo huấn luyện tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng giá điều chỉnh đối với giá dịch vụ đào tạo, huấn luyện tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” các khóa:

- Mục 4. Huấn luyện định kỳ (khóa 4.5, 4.6 và 4.7).
- Mục 7. Vận hành trang thiết bị mặt đất.

Điều 2. Các khóa đào tạo huấn luyện:

- Mục 1. Đào tạo cơ bản
- Mục 2. Bồi dưỡng nghiệp vụ.



- Mục 3. Huấn luyện kiến thức an ninh hàng không cho các đối tượng liên quan.
- Mục 4. Huấn luyện định kỳ (khóa 4.1, 4.2, 4.3 và 4.4).
- Mục 5. Huấn luyện chuyển loại.
- Mục 6. Hàng hóa nguy hiểm; an toàn sân đỗ; PCCC và vũ khí, công cụ hỗ trợ.

trong *Bảng giá được ban hành theo Quyết định số 2291/CHKQTTSN ngày 28/9/2021* vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Phòng Kinh doanh, Phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Đào tạo – Huấn luyện và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT. *kw*

kw
gm
GIÁM ĐỐC

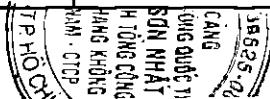


Dặng Ngọc Cường

BẢNG GIÁ ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI GIÁ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

(đính kèm Quyết định số 51/CHKQTTSN ngày 28/02/2023)

STT CÁC KHÓA HỌC ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG HUẤN LUYỆN	ĐV TÍNH	THỜI LƯỢNG (GIỜ)	MỨC GIÁ/HỌC VIÊN	GHI CHÚ
4	HUẤN LUYỆN ĐỊNH KỲ				
4.5	Huấn luyện định kỳ nghiệp vụ giảng dạy lực lượng kiểm soát an ninh hàng không	Học viên	16	2.700.000	2 giáo viên Cục HK giảng dạy song song khóa định kỳ cán bộ
4.6	Huấn luyện định kỳ nghiệp vụ giảng dạy an ninh hàng không	Học viên	8	1.850.000	
4.7	Huấn luyện định kỳ giám sát viên an ninh hàng không	Học viên	16	2.700.000	
7	VẬN HÀNH TRANG THIẾT BỊ MẶT ĐẤT				
7.1	Kiến thức chung về hàng không dân dụng	Học viên	23	700.000	Không bao gồm ATSD, HHHH và Kiến thức An ninh hàng không
7.2	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe ô tô thông thường (chuyên ngành)	Học viên			
7.2.1	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe ô tô thông thường (lý thuyết)	Học viên	22	1.200.000	
7.2.2	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe ô tô thông thường (thực hành)	Học viên	9	1.500.000	
7.2.3	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe ô tô thông thường (lý thuyết) - Chỉ thuê giáo viên	Học viên	22	900.000	
7.2.4	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe ô tô thông thường (thực hành) - Chỉ thuê giáo viên	Học viên	9	1.100.000	



✓

STT CÁC KHOA HỌC ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG HUẤN LUYỆN	ĐV TÍNH	THỜI LƯỢNG (GIỜ)	MỨC GIÁ/HỌC VIÊN	GHI CHÚ
7.3	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (chuyên ngành)	Học viên			Thực hành chỉ dành cho tối đa 4 học viên
7.3.1	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (chuyên ngành) (phần Lý thuyết)	Học viên	22	1.200.000	
7.3.2	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (chuyên ngành) (phần Thực hành)	Học viên	25	4.200.000	
7.3.3	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (chuyên ngành) (phần Lý thuyết) - Chỉ thuê giáo viên	Học viên	22	900.000	
7.3.4	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (chuyên ngành) (phần Thực hành) - Chỉ thuê giáo viên	Học viên	55	3.000.000	
7.4	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe chữa cháy (chuyên ngành)	Học viên			
7.4.1	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe chữa cháy (chuyên ngành) (phần Lý thuyết)	Học viên	46	2.000.000	
7.4.2	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe chữa cháy (chuyên ngành) (phần Thực hành)	Học viên	33	36.600.000	
7.4.3	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe chữa cháy (chuyên ngành) (phần Thực hành) + chỉ thuê giáo viên	Học viên	33	4.600.000	
7.5	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ vận hành cầu hành khách (chuyên ngành) (Chỉ thuê giáo viên)	Học viên			

2/đ

STT CÁC KHÓA HỌC ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	NỘI DUNG HUẤN LUYỆN	ĐV TÍNH	THỜI LƯỢNG (GIỜ)	MỨC GIÁ/HỌC VIÊN	GHI CHÚ
7.5.1	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ vận hành cầu hành khách (chuyên ngành) (phần Lý thuyết) + Chỉ thuê giáo viên	Học viên	82	3.300.000	Thực hành chỉ dành cho tối đa 4 học viên
7.5.2	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ vận hành cầu hành khách (chuyên ngành) (Thực hành) + Chỉ thuê giáo viên	Học viên	49	6.700.000	
7.6	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe cút cò (chuyên ngành) + chỉ thuê giáo viên	Học viên			
7.6.1	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe cút cò (chuyên ngành) (phần lý thuyết) + chỉ thuê giáo viên	Học viên	26	2.000.000	
7.6.2	Đào tạo ban đầu nghiệp vụ điều khiển xe cút cò (chuyên ngành) (phần thực hành) + chỉ thuê giáo viên	Học viên	21	3.100.000	
7.7	Định kỳ kiến thức chung về hàng không dân dụng	Học viên	6	600.000	Không bao gồm định kỳ ATSD, HHNH và Kiến thức An ninh hàng không
7.8	Định kỳ nghiệp vụ điều khiển xe ô tô thông thường (không bao gồm Định kỳ KT chung về HKDD)	Học viên	7	700.000	
7.9	Định kỳ nghiệp vụ điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người (không bao gồm định kỳ KT chung về HKDD)	Học viên	7	700.000	
7.10	Định kỳ nghiệp vụ điều khiển xe chữa cháy (không bao gồm định kỳ KT chung về HKDD)	Học viên	7	2.600.000	

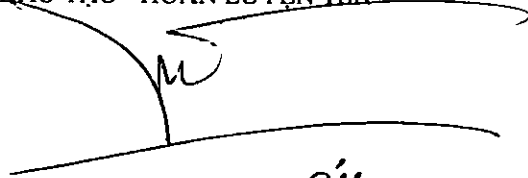


Handwritten signature

Ghi chú:

- Mức giá trên bao gồm:
- * Quản lý lớp học, phòng học, trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ giảng dạy, biên soạn giáo trình, giáo án/tài liệu giảng dạy, tài liệu học viên, chuẩn bị đề thi, photo tài liệu học tập, kiểm tra
- * Phụ cấp giảng dạy của giáo viên
- Chi phí tổ chức khóa học dưới 25 học viên, áp dụng mức 80% tổng chi phí tổ chức khóa học 30 học viên
- Riêng các khóa học tại mục số 7, Chi phí tổ chức khóa học dưới 13 học viên, áp dụng mức 80% tổng chi phí tổ chức khóa học 15 học viên
- Chi phí tổ chức khóa học bằng tiếng Anh bằng (=) 150% chi phí khóa học bằng tiếng Việt
- Chi phí thi lại: 100.000 đồng/lần/học viên
- Chi phí cấp Giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn: 100.000 đồng/GCN hoặc CCCM/học viên
- Chi phí gia hạn Giấy chứng nhận, sổ chứng nhận: 50.000 đồng

TT ĐÀO TẠO - HUẤN LUYỆN TSN



Phạm Thị Út

PHÒNG KINH DOANH



Nguyễn Thị Hải Hà

TP.HCM ngày 28 tháng 02 năm 2023
P TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Bùi Văn Quyết

